

## THÔNG BÁO

### VỀ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HKI năm học 2020-2021 cho sinh viên K59

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/03/2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Cơ sở II thông báo về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập HKI năm học 2020-2021 như sau:

#### 1. MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

##### 1.1 Đối tượng được MIỄN học phí

a. Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30/07/2012 của Văn phòng quốc hội, cụ thể:

+ Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (nếu có);

+ Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (nếu có); con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (nếu có); con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh; con của người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

b. Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

c. Sinh viên hệ cử tuyển;

d. Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

e. Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người (La Hù, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Công, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, Ó Đu) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn được xác định theo

các văn bản quy định tại **Phụ lục I** kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/03/2016;

g. Sinh viên từ 16 tuổi đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng:

+ Bị bỏ rơi, chưa có người nhận làm con nuôi.

+ Mồ côi cả cha và mẹ; mồ côi cha/ mẹ và người còn lại: (\*)

+ Cha và mẹ cùng hoặc không cùng thuộc 01 trong các trường hợp sau:

(\*): **mất tích** theo quy định của pháp luật; **đang hưởng chế độ** chăm sóc và nuôi dưỡng tại Cơ sở Bảo trợ XH, nhà XH; **đang trong thời gian** chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại Trường Giáo dưỡng, Cơ sở giáo dục bắt buộc, Cơ sở cai nghiện bắt buộc.

## 1.2 Đối tượng được GIẢM học phí

a. Các đối tượng được **giảm 70% học phí**: Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội **đặc biệt khó khăn** theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

b. Các đối tượng được **giảm 50% học phí**: Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

## 1.3 Cơ chế xét miễn, giảm học phí

a. Sinh viên nộp 01 bộ hồ sơ **cho cả khóa học**:

+ Người có công và thân nhân của người có công với cách mạng;

+ Sinh viên hệ cử tuyển;

+ Sinh viên từ 16 tuổi đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng;

+ Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên **mục 1.2.b**

b. Sinh viên nộp 01 bộ hồ sơ đầy đủ **vào đầu mỗi học kỳ**:

+ Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo;

+ Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo;

+ Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người (La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bó Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn;

+ Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn **mục 1.2.a**

c. Trường hợp trong quá trình học tập, sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí **không nộp đơn** đề nghị **kèm theo đầy đủ các giấy tờ cần thiết theo quy định và thời hạn** thì chỉ được miễn, giảm học phí tính từ ngày cơ sở giáo dục đại học nhận được đầy đủ hồ sơ và **không được giải quyết truy lĩnh tiền miễn, giảm học phí** đối với thời gian đã học từ trước thời điểm sinh viên gửi hồ sơ đề nghị kèm theo các giấy tờ cần thiết có liên quan.

## 1.4 Hồ sơ đề nghị miễn, giảm học phí gồm

- Đơn đề nghị miễn giảm học phí (theo mẫu đính kèm);

- Giấy khai sinh (bản sao công chứng);

- Các giấy tờ có liên quan (bản sao công chứng).

- Bản sao công chứng giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí đối với các đối tượng sau:

+ Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với đối tượng tại **mục 1.1.a**

+ Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng tại **mục 1.1.b** và giấy tờ chứng minh là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã cấp hoặc xác nhận.

+ Giấy tờ chứng minh là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc xác nhận cho đối tượng tại **mục 1.1.d**

+ Sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy đăng ký tạm trú; Giấy xác nhận có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn/ đặc biệt khó khăn đối với đối tượng tại **mục 1.1.e**

+ Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại **mục 1.1.g**

+ Sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy đăng ký tạm trú; Giấy xác nhận có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội **đặc biệt** khó khăn đối với đối tượng tại **mục 1.2.a**

+ Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với đối tượng được quy định tại **mục 1.2.b**

## **2. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP**

### **2.1 Điều kiện được hưởng chính sách**

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo năm **2020** **mục 1.1.d**

- **Không áp dụng** đối với sinh viên: Cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo tín chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học, cao đẳng sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.

### **2.2 Mức hỗ trợ**

Mức hỗ trợ chi phí học tập **bằng 60% mức lương cơ sở** và được hưởng không quá **10 tháng/năm học/sinh viên**; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.

### **2.3 Cơ chế xét hỗ trợ chi phí học tập**

a. Sinh viên nộp 01 bộ hồ sơ **vào đầu mỗi học kỳ**

b. Đối với sinh viên chưa thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập, nếu trong năm học, gia đình sinh viên được bổ sung diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì nộp hồ sơ bổ sung đối tượng hưởng chính sách **làm căn cứ chi trả chi phí học tập trong kỳ tiếp theo**. Thời gian được hưởng theo hiệu lực của Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

c. Sinh viên thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải nộp hồ sơ 01 lần vào đầu năm học. Trong năm học, nếu gia đình sinh viên thuộc diện **đã thoát nghèo** thì sinh viên **có trách nhiệm nộp văn bản chứng nhận hộ đã thoát nghèo để dừng việc** chi trả chi phí học tập cho kỳ tiếp theo.

d. Trường hợp trong quá trình học tập, sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập **không nộp đơn** đề nghị kèm theo đầy đủ các giấy tờ cần thiết theo quy định thì chỉ được chi trả chi phí học tập tính từ ngày cơ sở giáo dục đại học

nhận được đầy đủ hồ sơ đến khi kết thúc khóa học và **không được giải quyết truy lĩnh tiền hỗ trợ chi phí học tập** đối với thời gian đã học từ trước thời điểm sinh viên gửi hồ sơ đề nghị kèm theo các giấy tờ cần thiết có liên quan.

#### 2.4 Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí học tập gồm

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (*theo mẫu đính kèm*);
- Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp năm **2020** (*bản sao công chứng*);
- Giấy khai sinh (*bản sao công chứng*).

**2.5 Quy định về dừng cấp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập** (*căn cứ Điều 6 Thông tư số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014*)

- Sinh viên bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kể từ thời điểm Quyết định kỷ luật có hiệu lực. Trường hợp sinh viên đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập mà bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì cơ sở giáo dục đại học công lập dừng thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập vào kỳ học tiếp theo.

- Sinh viên bị đình chỉ học tập (có thời hạn) thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian bị đình chỉ; **trừ trường hợp dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại, lưu ban** hoặc dừng học vì lý do khách quan được Nhà trường xác nhận. Trường hợp sinh viên đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập mà bị đình chỉ học tập thì cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện khấu trừ số tiền tương ứng với số tháng bị đình chỉ học tập vào kỳ học tiếp theo sau khi sinh viên nhập học lại.

### 3. ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ

- **Địa điểm:** Sinh viên nộp hồ sơ xét miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho Cô Nguyễn Thị Minh Thu - Ban Công tác chính trị và Sinh viên – Phòng A202 (*tầng 2, Nhà A, rẽ phải*).

- **Thời gian nộp hồ sơ:**

+ **Đợt 1:** Trước 17h00 Thứ 2 - ngày **05/10/2020**.

+ **Đợt 2:** Trước 17h00 Thứ 6 - ngày **30/10/2020**.

*Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ Cô Nguyễn Thị Minh Thu – chuyên viên Ban CTCT&SV, email: [nguyenthiminhthu.cs2@ftu.edu.vn](mailto:nguyenthiminhthu.cs2@ftu.edu.vn), điện thoại: 0942309113.*

Trân trọng./.

#### **Nơi nhận:**

- BGD (để báo cáo);
- Ban KH-TC, QLĐT (để phối hợp);
- Ban TT-TV (để đăng web);
- Lưu: VT, CTCT&SV.

**KT GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(*Đã ký*)

**PGS, TS Nguyễn Thị Thu Hà**

**Danh mục vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn**  
(Kèm theo TTLT số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH)

**CÁC VĂN BẢN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH DANH MỤC  
VÙNG, ĐỊA BÀN CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ-XÃ HỘI KHÓ KHĂN  
VÀ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**

1. Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015;
2. Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015;
3. Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của Chương trình 135 và Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt bổ sung thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.
4. Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 8/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.
5. Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh Mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn;
6. Các xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung huyện Nậm Nhùn tỉnh Lai Châu, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên vào danh Mục các huyện nghèo được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo.
7. Các địa bàn có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại Phụ lục II ban hành theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư.

**Các quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về danh sách các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (nếu có).**

**Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Thông tư liên tịch này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được thực hiện theo văn bản mới ban hành.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ**

*(Dùng cho học sinh, sinh viên đang học  
tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập)*

Kính gửi:

- Ban Giám hiệu Trường Đại học Ngoại thương;
- Ban Giám đốc Cơ sở II;
- Ban Công tác chính trị và Sinh viên.

Họ và tên:

MSSV:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Dân tộc:

Khóa, lớp:

Ngành:

Chuyên ngành:

Hộ khẩu thường trú:

Điện thoại:

Email:

Thuộc đối tượng *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số 86):*

.....  
.....

Đã được hưởng chế độ miễn giảm học phí *(ghi rõ tên cơ sở đã được hưởng chế độ miễn giảm học phí, cấp học và trình độ đào tạo):*

.....  
.....

Căn cứ vào Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định và chế độ hiện hành./.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng ..... năm .....*

**Người làm đơn**

*(Ký tên và ghi rõ họ tên)\**

**(\*)**: Không ký và ghi họ tên bằng bút mực đen.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP**

*(Dùng cho sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục đại học công lập)*

Kính gửi:

- Ban Giám hiệu Trường Đại học Ngoại thương;
- Ban Giám đốc Cơ sở II;
- Ban Công tác chính trị và Sinh viên.

Họ và tên: MSSV:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh: Dân tộc:

Khóa, lớp:

Ngành:

Chuyên ngành:

Hộ khẩu thường trú:

Điện thoại: Email:

Thuộc đối tượng *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC)*: .....

.....

Căn cứ vào Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để hỗ trợ chi phí học tập theo quy định./.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng ..... năm .....*

**Người làm đơn**

*(Ký tên và ghi rõ họ tên)\**

**(\*)**: Không ký và ghi họ tên bằng bút mực đen.